NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI TỈNH HÀ GIANG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PHẠM THÁI HUYNH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 08/3/2025. Sửa chữa xong 15/3/2025. Duyệt đăng 20/3/2025.

Abstract

According to the results of the 2023 poverty and near-poor household review according to the poverty standards for the period 2021-2025, Ha Giang is the province with the highest multidimensional poverty rate in the country, accounting for 42.61%. The analysis and assessment of the province's multidimensional poverty index in terms of income poverty and lack of basic social services with 12 criteria is the scientific basis for proposing key and appropriate solutions to improve people's lives and move towards sustainable poverty reduction in the province.

Keywords: *Multidimensional poverty, poverty reduction, near-poor households, poor households.*

1. Đặt vấn đề

Để thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, một trong những nhiệm vụ quan trọng mà toàn Đảng, toàn dân phải thực hiện là xóa đói, giảm nghèo. Bởi nghèo đói là một trong những rào cản lớn làm giảm khả năng phát triển con người, giảm khả năng phát huy các ưu điểm của cộng đồng, mọi lứa tuổi. Thực tế hiện nay cho thấy, người nghèo thường gặp những khó khăn nhất định khi tiếp cận các dịch vụ xã hội, như: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin… Ở Việt Nam, qua nhiều thập niên, cách đo lường và đánh giá nghèo chủ yếu thông qua tiêu chí thu nhập. Tuy nhiên, sử dụng một tiêu chí thu nhập không đủ để nắm bắt được tình trạng nghèo thực tế của người dân. Đến năm 2016, Chính phủ đã đánh giá nghèo từ góc độ đa chiều (nghèo về thu nhập và nghèo về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản với 5 dịch vụ và 10 chỉ số) [1, tr. 1]. Hà Giang là một tỉnh miền núi thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc của Việt Nam, những khó khăn về điều kiện địa lý - tự nhiên và xã hội đã khiến nhiều năm liền Hà Giang vẫn nằm trong nhóm các tỉnh nghèo nhất của cả nước. Trong những năm gần đây, mặc dù có nhiều nỗ lực trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo nhưng tỉ lệ hộ nghèo đa chiều của Hà Giang vẫn cao nhất cả nước, chiếm 42.61%. Vì vậy, những nghiên cứu phân tích, đánh giá về thực trạng nghèo đa chiều nói chung và nghèo đa chiều tại Hà Giang nói riêng là rất cấp thiết trong việc đề xuất những giải pháp phù hợp, hiệu quả trong việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm nghèo đa chiều và các tiêu chí xác định nghèo đa chiều tại Việt Nam hiện nay

2.1.1. Quan niệm về nghèo và nghèo đa chiều trên thế giới

Nghèo là hiện tượng diễn ra từ rất lâu trong lịch sử loài người. Tuy nhiên, đến những năm 90 của thế kỷ XX, các học giả trên thế giới mới có những nghiên cứu về vấn đề nghèo và đưa ra những định nghĩa đầu tiên về nghèo: "Người nghèo là tất cả những ai có mức thu nhập thấp hơn 1 đô la Mỹ (1USD) mỗi ngày cho mỗi người, số tiền được coi như đủ mua những sản phẩm thiết yếu để tồn tại" [2, tr. 1]. Dựa trên nghiên cứu của các học giả trên thế giới, đến năm 2008, trong tuyên bố của Liên Hợp Quốc đã được tất cả các nhà lãnh đạo các quốc gia tham gia vào tổ chức này đồng ý thông qua đã chỉ ra

Email: phamthaihuynh@gmail.com

những tiêu chí cụ thể để đo lường, xác định nghèo đa chiều: "Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa không an toàn, không có quyền và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn" [3]. Đến năm 2020, UNDP đã đưa ra khái niệm "nghèo đa chiều" và cách xác định nghèo đa chiều với 3 tiêu chí: Nghèo Giáo dục, nghèo Y tế và nghèo điều kiện sống với 10 chỉ số phúc lợi cơ bản [4]. Sự phát triển những định nghĩa về nghèo trong các nghiên cứu cho thấy cách định nghĩa về nghèo ngày càng hoàn thiện, cụ thể và rõ ràng hơn. Nếu như ban đầu, nghèo đơn thuần được xác định là nghèo về thu nhập thì sau này trong các quan niệm về nghèo làm rõ hơn trong các tiêu chí khác, đa chiều hơn về các phương diện của nghèo - không đơn thuần về thu nhập mà còn là sự thiếu hụt trong việc tiếp cận với với dịch vụ xã hội cơ bản: y tế, giáo dục, nhà ở, nguồn nước, nhà vệ sinh hợp lí và tiếp cận thông tin.

2.1.2. Quan niệm về nghèo đa chiều và phương pháp xác định nghèo đa chiều tại Việt Nam hiện nay

Kế thừa và tiếp thu những quan niệm về nghèo trong những nghiên cứu của thế giới, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng đề án rà soát chuẩn nghèo và phương pháp xác định nghèo theo các giai đoạn 2016-2020 và có những thay đổi, hoàn thiện ở giai đoạn 2021-2025. Mặc dù chưa đưa ra định nghĩa đầy đủ về nghèo đa chiều nhưng trong các nghị định do Chính phủ ban hành xác định nghèo đa chiều bao gồm cả hộ nghèo và hộ cận nghèo và chỉ rõ những tiêu chí xác định nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 gồm 2 tiêu chí: 1) Tiêu chí thu nhập: Khu vực nông thôn: 1.5 triệu đồng/người/tháng; Khu vực thành thị: 2 triệu đồng/người/tháng; 2) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, các dịch vụ xã hội cơ bản gồm 06 dịch vụ và 12 chỉ số [5, tr. 2-3]. Cụ thể: 1. Về việc làm: Việc làm: Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm); hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động. Người phụ thuộc trong hộ gia đình: Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%. Người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng. 2. Về y tế: Dinh dưỡng: Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi; Bảo hiểm y tế: Hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế. 3. Về giáo dục: Trình độ giáo dục của người lớn: Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng; Tình trạng đi học của trẻ em: Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở). 4. Về nhà ở: Chất lượng nhà ở: Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là tường, cột, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc); Diện tích nhà ở bình quân đầu người: Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m2. 5. Về nước sinh hoạt và vệ sinh: Nguồn nước sinh hoạt: Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt (gồm: nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/mó được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình). Nhà tiêu hợp vệ sinh: Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (gồm: tự hoại/bán tự hoại, thấm dội nước, cải tiến có ống thông hơi (VIP), hố xí đào có bệ ngồi, hai ngăn). 6. Về thông tin: Sử dụng dịch vụ viễn thông: Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ Internet; Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: Hộ gia đình không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: Phương tiện dùng chung: Tivi, radio, máy tính để bàn, điện thoại; Phương tiện cá nhân: Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh [5, tr. 3]. Như vậy, nghèo đa chiều phản ánh toàn diện nhiều tiêu chí, chỉ tiêu nghèo, trên cơ sở đó giúp Nhà nước đề ra những chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa phương, dân tộc…

2.2. Thực trạng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo đa chiều ở tỉnh Hà Giang

Hà Giang là một tỉnh vùng cao biên giới thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam. Diện tích tự nhiên của Hà Giang là 7.915 km^2 đứng thứ 48/63 tỉnh thành cả nước về diện tích, địa hình tương đối phức tạp với gồm nhiều đồi núi đá cao, độ dốc khá lớn và nhiều sông suối. Tổng dân cư của tỉnh 899.9 nghìn người, mật độ dân số 113.5 người/km^2 với 23 cộng đồng dân tộc cùng sinh sống, chủ yếu là các dân tộc thiểu số (chiếm 89%) gồm: dân tộc Mông (chiếm 31%), dân tộc Tày (chiếm 27%), dân tộc Dao (chiếm 15%), dân tộc Kinh (chiếm 11%) và một số dân tộc chỉ tại Hà Giang mới có: dân tộc Lô Lô, dân tộc Pà Thẻn, dân tộc La Chí... với sản xuất nông nghiệp và thu hái lâm sản là các hoạt động sinh kế chính của họ. Tiếp cận khai thác tài nguyên rừng ngày càng khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến nguồn thu nhập của người dân luôn ở mức thấp…[6]. Theo thống kê hàng năm mức thu nhập bình quân/người, Hà Giang luôn nằm trong nhóm các tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất cả nước (năm 2024 - thấp thứ 2 cả nước (sau Điện Biên) [7]. Kết quả công bố rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo 2023 theo chuẩn nghèo 2021-2025, Hà Giang là tỉnh có tỉ lệ hộ nghèo đa chiều cao nhất cả nước với 81.451 hộ (chiếm 42.61%), cao gấp gần 8 lần so với tỉ lệ nghèo đa chiều trung bình cả nước 1.586.336 hộ (chiếm 5.71%). Trong số 81.451 hộ nghèo đa chiều tại Hà Giang, khoảng 73% số hộ (59.496 hộ) thuộc diện hộ nghèo và 27% số hộ (21.995 hộ) thuộc diện hộ cận nghèo, số hộ nghèo cao gấp 2.7 lần số lượng hộ cận nghèo [8, tr. 5]. Chỉ số nghèo cao thực sự đặt ra nhiều thách thức lớn đối với Hà Giang trong việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Sự phân bố các hộ gia đình nghèo đa chiều phân bố rộng khắp các huyện trên địa bàn toàn tỉnh (với 7/10 huyện) gồm các huyện: Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Xín Mần, Hoàng Su Phì, Bắc Mê. Trong số 7 huyện, tỉ lệ hộ nghèo đa chiều tập trung nhiều nhất ở huyện Đồng Văn 11.203 hộ (chiếm 65.59%) tiếp đến là huyện Yên Minh và huyện Hoàng Su Phì lần lượt là: 12.464 hộ (chiếm 63.59%) và 8.736 hộ (chiếm 61.34%) [8, tr. 8]. Đáng chú ý, tỉ lệ hộ nghèo cao gấp từ 3 đến 7 lần so với tỉ lệ hộ cận nghèo trên tất cả các huyện của Hà Giang (bảng 1).

STT	Huyện	Tỉ lệ nghèo đa chiều (%)	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tỉ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỉ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)
1	Mèo Vạc	58.65	10.331	51.29	9.035	7.36	1.296
2	Đồng Văn	65.59	11.203	51.42	8.782	14.17	2.421
3	Yên Minh	63.60	12.464	46.99	9.209	16.61	3.255
4	Quản Bạ	58.21	7.393	44.40	5.639	13.81	1.754
5	Xín Mần	58.82	8.632	44.91	6.591	13.91	2.041
6	Hoàng Su Phì	61.34	8.736	41.35	5.889	19.99	2.847
7	Bắc Mê	59.14	6.817	40.76	4.698	18.38	2.119

Bảng 1: Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều phân theo huyện tại tỉnh Hà Giang

Nguồn: Theo nghị quyết 134/QĐ-BLĐTBXH, ngày 31/01/2024

2.2.1. Tiêu chí về nghèo thu nhập

Mặc dù tỉnh Hà Giang cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển kinh tế, đặc biệt là việc phát triển du lịch trong vài năm trở lại đây khiến kinh tế Hà Giang có nhiều bước tiến, thu nhập tăng từ 21.984 triệu đồng/người/năm (năm 2019) lên 27.024 triệu đồng/người/năm (năm 2023), trung bình tăng khoảng 8%/năm. Theo kết quả thống kê 2023, mức thu nhập bình quân đầu người/tháng của Hà Giang khoảng 2.25 triệu đồng, mức thu nhập này thấp hơn 2.08 lần so với mức thu nhập bình quân/đầu người của cả nước (4.96 triệu đồng/người). Xét theo tiêu chí về thu nhập tại khoản 2, Điều 3 nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 thì mức thu nhập bình quân đầu người/tháng chuẩn hộ nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn từ 1.5 triệu đồng trở xuống và từ 2 triệu đồng trở xuống đối với khu vực thành thị thì mức thu nhập bình quân đầu người/tháng của Hà Giang mới vừa chỉ vượt qua ngưỡng nghèo về thu nhập. Tuy nhiên, mức thu nhập bình quân/tháng giữa 5 nhóm thu nhập không đồng đều và có sự chênh lệch khá lớn. Theo số liệu thống

kê năm 2023, mức chênh lệch thu nhập bình quân/đầu người theo tháng giữa nhóm nghèo, nhóm cận nghèo với nhóm thu nhập ổn định và cao chênh nhau lớn, lần lượt: là 8.9 lần và 6.2 lần. Trong 5 năm từ năm 2019-2023, nhóm nghèo thu nhập bình quân/người dao động từ 640 nghìn đồng/tháng đến 689 nghìn đồng/tháng, mặc dù có tăng song mức tăng gần như rất ít, khoảng 10 nghìn đồng/năm và không ổn định trong khi nhóm thu nhập ổn định và cao mức tăng trung bình khoảng 329 nghìn đồng/năm [7]. Mức nghèo về thu nhập của nhóm nghèo đa chiều Hà Giang thấp hơn 2.45 lần so với mức thu nhập của nhóm nghèo đa chiều trên cả nước. Kết quả này cho thấy, việc xóa đói, giảm nghèo đối với các hộ nghèo đa chiều trên địa bàn của tỉnh là một thách thức lớn đối với những nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong những giai đoạn tiếp theo.

Đơn vị: nghìn đồng

Nhóm nghèo	2019	2020	2021	2022	2023
Bình quân cả tỉnh	1.832	1.835	1.933	2.062	2.252
Nhóm nghèo	640	624	611	632	689
Nhóm cận nghèo	865	885	836	915	986
Nhóm thu nhập trung bình	1253	1.219	1.155	1.220	1.358
Nhóm thu nhập khá	1926	1.784	1.823	1.922	2.085
Nhóm thu nhập ổn định và cao	4.498	4.692	5.263	5.639	6.145

Bảng 2: Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo 5 nhóm thu nhập giai đoạn 2019-2023 tỉnh Hà Giang

Nguồn: Tổng cục thống kê, 2023.

2.2.2. Tiêu chí thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, các dịch vụ xã hội cơ bản gồm 6 dịch vụ: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin. Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản gồm 12 chỉ số. Đó là việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân/ đầu người, nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin. Đồng thời, trong quy định tại khoản 2 Điều 3 xác định ngoài thu nhập thì hộ nghèo đa chiều là hộ thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên và hộ cận nghèo là hộ thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Kết quả công bố rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo 2021-2025 tại Hà Giang, được tổng hợp lại trong bảng 3.

Đơn vị tính: %

Phân loại	Tỉ lệ hộ (%)	Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cả nước	2.93	34.82	36.0	12.27	58.77	24.53	4.81	28.28	27.86	17.09	51.53	33.41	17.84
Hộ nghèo	31.12	28.04	30.35	18.21	96.6	28.99	4.30	25.03	12.79	16.74	62.04	22.87	13.62
Cả nước	2.78	26.34	23.11	4.02	59.77	10.09	2.48	10.96	10.89	6.76	20.55	14.49	5.12
Hộ cận nghèo	11.49	12.15	14.82	6.66	97.34	13.67	1.90	12.43	4.42	8.54	24.87	5.38	2.83

Bảng 3: Tỉ lệ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản (12 chỉ số) của hộ nghèo và hộ cận nghèo tỉnh Hà Giang

Nguồn: Tổng hợp lại theo Nghị quyết số 134/QĐ-BLĐTBXH, ngày 31/01/2024

Từ kết quả bảng 3 cho thấy, về cơ bản các hộ nghèo đa chiều tại Hà Giang thiếu hụt tất cả các dịch vụ xã hội cơ bản, tuy nhiên có một số điểm đặc thù về số lượng và tỉ lệ thiếu hụt đối với các dịch vụ xã hội cơ bản. Cụ thể, trong 12 chỉ số thiếu hụt, tỉ lệ thiếu hụt cao nhất đối với cả hộ nghèo và hộ cận nghèo đều được ghi nhận ở chỉ số về bảo hiểm y tế, tỉ lệ thiếu hụt thấp nhất được ghi nhận ở chỉ số về tình trạng đi học của trẻ em. Đối với nhóm hộ nghèo tại Hà Giang, tỉ lệ hộ nghèo cao hơn khoảng 10.5%

so với trung bình chung của của cả nước, trong đó có 03 chỉ số cao hơn từ 1.0 - 1.8% so với trung bình trung của cả nước: Tỉ lệ thiếu hụt cao nhất được ghi nhận ở chỉ số về bảo hiểm y tế (chiếm 96.6%), tiếp đó là chỉ số thiếu hụt về nhà tiêu hợp vệ sinh (chiếm 62.04%) và chỉ số trình độ giáo dục của người lớn (chiếm 28.99%). Còn lại 09 chỉ số nhóm hộ cận nghèo đều có tỉ lệ thấp hơn so với mức trung bình của cả nước nhưng mức độ thấp hơn không đáng kể. Đối với nhóm hộ cận nghèo tại Hà Giang, tỉ lệ hộ cận nghèo cao hơn khoảng 4 lần so với mức trung bình chung của cả nước, song tỉ lệ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản của xã hội lại cao hơn so với nhóm hộ nghèo tại tỉnh này, với sự thiếu hụt 6 chỉ số cao hơn so với mức trung bình cả nước, gồm: chỉ số về dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, nhà ở, nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỉ lệ lần lượt là: 6.66%; 97.34%; 13.67%; 8.54%; 24.87%; 12.43%. Các chỉ số còn lại, có nhiều chỉ số chỉ bằng một nửa mức trung bình chung của cả nước, đó là chỉ số việc làm, diện tích nhà ở bình quân/người, sử dụng dịch vụ viễn thông và phương tiện tiếp cận dịch vụ viễn thông. Những kết quả đạt được trên đây cũng khẳng định những nỗ lực không ngừng của chính quyền địa phương trong việc quyết tâm xóa đói, giảm nghèo, cải thiện không ngừng đời sống nhân dân. Tuy nhiên, với những điều kiện khó khăn về điều kiện tự nhiên - xã hội như đã phân tích ở bên trên cũng khiến việc đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức. Với kết quả công bố về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (12 tiêu chí) đã tạo ra cơ sở lí luận vững chắc để các nhà hoạch định chính sách biết cần tập trung đầu tư vào lĩnh vực nào giúp con người đảm bảo được những nhu cầu cơ bản của cuộc sống, từ đó, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển con người toàn diện.

3. Kết luận và khuyến nghị

Tỉnh Hà Giang có các đặc điểm kinh tế - xã hội kém phát triển hơn so với các địa phương khác trên cả nước. Tình trạng nghèo đa chiều còn cao với các thiếu hụt lớn liên quan đến thu nhập, giáo dục, y tế, điều kiện nhà ở, nguồn nước và vệ sinh và sử dụng dịch vụ viễn thông. Để giải quyết thực trạng trên cần có các giải pháp thiết thực, cấp thiết trong công tác xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- *Nâng cao thu nhập:* Trên cơ sở những chính sách chung cần nghiên cứu, xây dựng những chính sách phù hợp với thực tế tại từng huyện, xã, trong đó tập trung nguồn lực địa phương phát triển những mô hình kinh tế mới, có giá trị kinh tế cao, đồng thời, tiếp tục phát huy lợi thế của các ngành nghề truyền thống của địa phương; Xây dựng bản đồ chỉ dẫn địa lý đối với các loại đặc sản địa phương, các khu du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, quảng bá thương hiệu, hình ảnh địa phương qua các phương tiện truyền thông…; Nhân rộng những mô hình kinh tế có hiệu quả cao trên địa bàn địa phương, nâng cao nhận thức của người dân trong sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ, kĩ thuật trong sản xuất không ngừng cải tiến chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Khuyến khích các mô hình chăn nuôi sản vật địa phương. Không ngừng mở rộng các liên kết trong sản xuất với các tỉnh lân cận và các tỉnh thành khác trên cả nước. Để công tác giảm nghèo bền vững được triển khai sâu rộng, hiệu quả tỉnh cũng tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo điều kiện cho các địa phương tận dụng tiềm năng, phát triển hiệu quả các mô hình, dự án giảm nghèo phù hợp thực tế ở mỗi địa phương.

- *Giảm mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*: Các cấp lãnh đạo tỉnh cần xây dựng chính sách phúc lợi, hỗ trợ người nghèo và người yếu thế: Hà Giang cần xây dựng chiến lược tăng trưởng phù hợp với đặc điểm của địa phương, xác định rõ mục tiêu ưu tiên nhằm tận dụng tốt lợi thế, thu hút nguồn lực cho tăng trưởng bền vững. Nhiệm vụ trước mắt là thúc đẩy giảm nghèo và tăng thu nhập thông qua nỗ lực gia tăng phúc lợi xã hội. Hiện tại, số lao động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản của Hà Giang ở mức 47.05%, năng suất lao động thấp (đạt 53.8%); tỉ lệ người lao động trong các lĩnh vực đã qua đào tạo của toàn tỉnh chỉ đạt 21.3% [9, tr. 110]. Vì vậy, để giảm nghèo hiệu quả cần chú trọng công tác giáo dục trong giảm nghèo, coi đây là giải pháp bền vững, lâu dài. Bên cạnh đó, việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ và hiện đại: Phát triển hệ thống đường sá; xây dựng mạng lưới giao thông; hệ thống nhà ở, cung cấp điện, nước; Phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe… có ý nghĩa quan trọng, nó cần được tiến hành trước.

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của tổ chức, chính quyền các cấp:* Cần hoàn thiện định hướng phát

triển kinh tế qua xây dựng quy hoạch tổng thể; xác định các ngành cần đẩy mạnh chuyên môn hóa và phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý: Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực quản lý; tích cực phát triển nhân lực quản lý từ cộng đồng. Để thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh hiệu quả cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, kết hợp sự tham gia của nhiều phía và thực hiện các chính sách một cách đồng bộ, hiệu quả, trọng tâm cần tạo sinh kế mới cho người dân nhằm tăng thu nhập cho các hộ gia đình ở địa phương.

Tài liệu tham khảo

[1] Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.*

[2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015), *Báo cáo Chính phủ số 21/BLĐTBXH-BTXH, ngày 25/04/2005 về chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010.*

[3] Liên Hợp Quốc (2008), *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 2000-2001 - Tấn công nghèo đói.*

[4] UNDP (2011), *Báo cáo phát triển con người 2011 - Dịch vụ phát triển con người.*

[5] Chính phủ (2021), *Nghị định số 07/2021-NĐ/CP, ngày 27/01/2021 Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*.

[6] Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang (2023), *Các dân tộc tỉnh Hà Giang*, nguồn: https://bdt.hagiang.gov.vn/cac-dan-toc-tinh-ha-giang.

[7] Tổng cục Thống kê (20234), *Niên giám Thống kê 2023,* NXB Thống kê, Hà Nội.

[8] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024), *Quyết định số 134-QĐ/BLĐTBXH, ngày 31/01/2024 công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*.

[9] Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (2024), *Niên giám Thống kê tỉnh Hà Giang 2023*, NXB Thống kê, Hà Nội.

PHÒNG, CHỐNG THUỐC LÁ ĐIỆN TỬ...

Tiếp theo trang 325

3. Kết luận

Giới trẻ ngày nay dưới tác động của thời đại công nghệ số đã và đang được tiếp xúc rất nhiều nguồn thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng. HSSV không khó tìm thấy những trang quảng cáo đầy bắt mắt hay những nguồn cung đa dạng về thuốc lá điện tử. Do vậy bảo vệ thế hệ trẻ tránh xa hiểm họa từ thuốc lá điện tử là một trong những thông điệp được đưa ra trong kế hoạch của Chính phủ, của ngành giáo dục về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá điện tử đối với HSSV nhiều năm nay. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp các ngành đoàn thể và nhân dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động và HSSV trong công tác phòng ngừa đấu tranh với tệ nạn từ thuốc lá điện tử là việc làm cần thiết. Từ đó bảo đảm mỗi cá nhân, tập thể kiên quyết phòng chống và ngăn chặn không để thuốc lá điện tử xâm nhập vào trường học. Việc tổ chức giáo dục tốt cho HSSV về phòng chống tệ nạn thuốc lá điện tử cũng chính là xây dựng thế hệ trẻ Việt Nam vững bản sắc, giàu khát vọng, kiến tạo tương lai – dựng xây đất nước.

Tài liệu tham khảo

[1] Hiền Minh (2024), *Báo động tình trạng nhập viện do thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng,* nguồn: https://baochinhphu.vn/bao-dong-tinh-trang-nhap-vien-do-thuoc-la-dien-tu-thuoc-la-nung-nong-102240503140343093.htm.

[2] Thái Bình (2024), *Chi phí y tế liên quan đến thuốc lá 108.000 tỷ đồng/năm, cần thiết nâng thuế tiêu thụ đặc biệt,* nguồn: https://suckhoe-doisong.vn/chi-phi-y-te-lien-quan-den-thuoc-la-108000-ty-dong-nam-can-thiet-nang-thue-tieu-thu-dac-biet-169241009065800117.htm

[3] Chính phủ (2024), *Công điện số 47/CĐ-TTg Tăng cường quản lý thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng.*

[4] Chính phủ (2024), *Nghị định số 90/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.*

[5] Chính phủ (2022), *Nghị định số 57/2022/NĐ-CP quy định các danh mục chất ma tuý và tiền chất.*

[6] Thanh Tâm, *Chuyên gia y tế đề nghị cấm sản xuất, lưu hành thuốc lá điện tử,* nguồn: https://bachmai.gov.vn/bai-viet/chuyen-gia-y-te-de-nghi-cam-san-xuat-luu-hanh-thuoc-la-dien-tu?id=1efd93a0-6c9e-3e6f-0d21-bd2c5d8e8b2d.

[7] Hoàng Lê (2024), *Người Việt hút thuốc 49.000 tỷ đồng/năm, chữa bệnh liên quan tốn 108.000 tỷ,* nguồn: https://dantri.com.vn/suc-khoe/nguoi-viet-hut-thuoc-49000-ty-dongnam-chua-benh-lien-quan-ton-108000-ty-20241017125528503.htm.

[8] Huy Hùng (sưu tầm và tổng hợp, 2023), *Những điều cần biết về thuốc lá điện tử,* nguồn: https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88094/232/nhung-dieu-can-biet-ve-thuoc-la-dien-tu/.

[9] Bình Nguyên (2024), *Thuốc lá điện tử chứa 153 chất gây nguy hiểm, 127 chất cực kỳ độc hại,* nguồn: https://laodongcongdoan.vn/thuoc-la-dien-tu-chua-153-chat-gay-nguy-hiem-127-chat-cuc-ky-doc-hai-105188.html.